TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 02-12-2020
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn và Chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: + Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

+ Bà Lâm Ngọc Tuyền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Xin ly hôn và Chia tài sản chung".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 191/2020/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 531/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Võ Trà M, sinh năm 1999 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Trần Việt A, sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Trần Việt A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn – chị Trần Võ Trà M trình bày:*

Chị với anh Trần Việt A cưới nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang năm 2018. Anh chị chung sống hạnh

phúc thời gian đầu, đến khoảng tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xảy ra xung đột do anh A thường hay bạo hành gia đình và không chăm lo làm ăn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về tình cảm: Cho chị được ly hôn với anh Trần Việt A.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Nhã U, sinh ngày 13/12/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con. Yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành, lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Bị đơn – anh Trần Việt A trình bày:*

Việc cưới nhau, chung sống và có con chung như chị M trình bày là đúng. Nay chị M xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng nhưng chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng.

Về tài sản chung: Có vàng cưới gồm 16 chỉ 24K; 5,6 chỉ 18K và 5.000.000 đồng tiền mặt. Khi ly thân chị M mang theo. Nay anh yêu cầu chia hai số tài sản trên. Anh nhận 08 chỉ 24K; 2,8 chỉ 18K và 2.500.000 đồng.

Về nợ chung: Không có.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 191/2020/HNGĐ- ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 89/2020/QĐ-SCBSBA ngày 14/9/2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào các điều 33, 38, 55, 59, 81, 82, 83, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Võ Trà M và anh Trần Việt A.

2. Về con chung: Giao con chung của anh chị tên Trần Nhã U, sinh ngày 13/12/2017, cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Trần Việt A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung của anh chị trưởng thành lao động được.

3. Về tài sản: Không chấp nhận yêu cầu của anh Trần Việt A đòi chị M chia lại số vàng cưới gồm 08 chỉ vàng 24K; 2,8 chỉ vàng 18K và 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền mặt.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 08/9/2020, anh Trần Việt A có đơn kháng cáo không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng; đồng thời yêu cầu chị M chia đôi số tài sản chung của vợ chồng gồm 16 chỉ vàng 24K; 5,6 chỉ vàng 18K và 5.000.000 đồng tiền mặt, anh xin nhận 08 chỉ vàng 24K; 2,8 chỉ vàng 18K và 2.500.000 đồng tiền mặt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh Trần Việt A xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng và thay đổi một phần yêu cầu kháng về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh A đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 750.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực đến khi con chung của anh chị đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

- Chị Trần Võ Trà M thống nhất với ý kiến nêu trên của anh Trần Việt A.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo của anh Trần Việt A về việc tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Việt A về việc cấp dưỡng nuôi con chung, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Xin ly hôn và Chia tài sản chung của vợ chồng"; thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Theo đơn kháng cáo, anh Trần Việt A kháng cáo hai nội dung sau:

- Về mức cấp dưỡng nuôi con: Anh A không đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng. Anh A chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh A yêu cầu chị Trần Võ Trà M phải có nghĩa vụ chia cho anh ½ tài sản chung của vợ chồng gồm 08 chỉ vàng 24K; 2,8 chỉ vàng 18K và 2.500.000 đồng tiền mặt hiện do chị M đang quản lý, sử dụng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm anh Trần Việt A xin rút yêu cầu kháng cáo về việc chia tài sản chung của vợ chồng và thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo về mức cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể như sau:

- Về mức cấp dưỡng nuôi con: Anh A đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 750.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Anh A xin rút kháng cáo về việc yêu cầu chị M chia cho anh A ½ số tài sản chung của vợ chồng là 08 chỉ vàng 24K; 2,8 chỉ vàng 18K và 2.500.000 đồng tiền mặt.

Chị Trần Võ Trà M đồng ý với yêu cầu nêu trên của anh Trần Việt A. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 289 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của anh Trần Việt A về việc tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Trần Việt A về mức cấp dưỡng nuôi con chung; sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh A phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 300.000 đồng án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do sửa án nên anh A không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 289, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Trần Việt A về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Trần Việt A về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 191/2020/HNGĐ-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Võ Trà M với anh Trần Việt A.

- Về con chung: Chị Trần Võ Trà M được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Nhã U, sinh ngày 13/12/2017, hiện đang sống cùng chị M.

Anh Trần Việt A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Anh Trần Việt A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi chung mỗi tháng là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trần Nhã U đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh A chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Trần Việt A về việc đòi chị Trần Võ Trà M phải chia cho anh A 08 chỉ vàng 24K; 2,8 chỉ vàng 18K và 2.500.000 đồng tiền mặt.

2/- Về án phí: Chị Trần Võ Trà M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003735 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

Anh Trần Việt A phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 300.000 đồng án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.300.000 đồng theo biên lai số 0003893 ngày 12/8/2020 và 300.000 đồng theo biên lai số 0003953 ngày 08/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên hoàn lại cho anh Trần Việt A số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo các biên lai trên.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy